

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 13-02-20025

V/v Tranh chấp xin ly hôn chia tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Văn Hùng

Ông Nguyễn Văn Thành

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025 tại Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2024/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn và tranh chấp chia tài sản khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân sơ thẩm số 75/2024/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 167/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Lâm Thị L, sinh năm 1985 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: ấp Rạch Dừa, xã Đại Phước, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở: ấp Đức Mỹ A, xã Đức Mỹ, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

1. Luật sư Nguyễn Thị Ngọc M - Văn phòng L3 thuộc Đoàn luật sư tỉnh T. (có mặt)

2. Luật sư Lê Quốc S - Công ty L4- thuộc Đoàn luật sư thành phố H. (có mặt)

- ***Bị đơn:*** Ông Hồ Hữu N, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người kháng cáo: Bà Lâm Thị L, ông Hồ Hữu N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện bà Lâm Thị L là nguyên đơn trình bày: Bà Lâm Thị L và ông Hồ Hữu N quen biết tìm hiểu nhau được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong sinh hoạt hàng ngày, không tin tưởng nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, ông N không quan tâm phụ giúp chia sẻ công việc với bà.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Hồ Hữu N.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Gồm thửa đất số 2026, diện tích 574,6m², trên đất có căn nhà chính diện tích 123,7m² có kết cấu mái lợp to, vách lưới B40, nền xi măng; nhà phụ diện tích 195,5m² có kết cấu khung cột kèo đòn tay bằng sắt, mái lợp to, lá, vách lưới B40, nền xi măng; sân lát xi măng diện tích 260m² và thửa đất số 2127, diện tích 1.173,7m², trên đất có chuồng bò diện tích 31,4 m², hai thửa đất cùng tờ bản đồ số 30, loại đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nguồn gốc đất là của cha mẹ ruột ông N tặng cho vợ chồng.

Bà L yêu cầu thửa đất số 2026 diện tích 574,6m² chia hai mỗi người hưởng 287,3 m², bà xin nhận phần diện tích đất có nhà ở ngang giáp quốc lộ F dài 15m. Thửa đất số 2127, diện tích diện tích 1.173,7m² có chuồng bò và một số cây trồng. Bà L không yêu cầu chia mà đồng ý giao cho ông N được hưởng cùng tài sản gắn liền với đất.

Về nợ chung: Không có.

Theo lời khai ông Hồ Hữu N là bị đơn lời trình bày:

Ông và bà Lâm Thị L kết hôn năm 2015 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian chung sống vợ chồng không có con chung, không có nợ chung, có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm hay cự cãi chứ không mâu thuẫn gì lớn nên ông không đồng ý ly hôn. Thửa đất 2026, diện tích 574,6m² và thửa đất số 2127, diện tích 1.173,7m² có nguồn gốc là của ông Hồ Văn P (cha ông) tặng cho có điều kiện là vợ chồng ông và bà L phải chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ ông đến hết đời vì ông là con út, nhưng nay bà L không cùng ông chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ ông nên ông không đồng ý chia tài sản.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 75/2024/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị L được ly hôn ông Hồ Hữu N.

Về tài sản: Ông Hồ Hữu N được quản lý sử dụng thửa đất số 2026, diện tích 574,6m² và thửa đất số 2127, diện tích 1.173,7m² cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất, hai thửa đất cùng tờ bản đồ số 30, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp R (trước đây là ấp R), xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

(Có kèm theo sơ đồ khu đất của Văn phòng Đ chi nhánh huyện C).

Ông Hồ Hữu N có nghĩa vụ giao trả cho bà Lâm Thị L số tiền 1.186.640.400 đồng (*Một tỷ, một trăm tám mươi sáu triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn, bốn trăm đồng*).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/10/2024 bà Lâm Thị L kháng cáo yêu cầu chia đôi thửa đất 2026 cho bà được hưởng quyền sử dụng đất, thửa 2117 chia đôi cho bà được hưởng phân nửa giá trị đất.

Ngày 18/10/2024 ông Hồ Hữu N kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự vẫn giữ nguyên đơn yêu cầu khởi kiện, cũng như đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn: Thửa đất số 2026, diện tích 574,6m² và thửa đất số 2127, diện tích 1.173,7m² có nguồn gốc đất là của cha mẹ ông N tặng cho vợ chồng bà L, ông N. Bà L, ông N được cấp quyền sử dụng đất do ông bà đứng tên vào năm 2018 là thời gian tồn tại hôn nhân của ông bà. Hợp đồng tặng cho giữa ông P với ông N và bà L không phải là hợp đồng có điều kiện nên xác định đây là tài sản chung của ông N bà L. Hiện bà L không có chỗ nên nhu cầu về chỗ ở của bà L là rất lớn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chia cho bà L được nhận tài sản bằng hiện vật là ½ diện tích đất thửa 2026 và thửa đất 2127 cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo như đơn yêu cầu của bà L.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Kháng cáo của bà Lâm Thị L và ông Hồ Hữu N không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm số 75/2024/HNGĐ-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của đương sự và Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bà L1 và ông N còn trong hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của của bà Lâm Thị L yêu cầu chia đôi thửa đất 2026 cho bà được hưởng quyền sử dụng đất, thửa 2127 chia đôi cho bà được hưởng phân nửa giá trị đất.

Thửa đất số 2026, diện tích 574,6m² và thửa đất số 2127, diện tích 1.173,7m² có nguồn gốc là của ông Hồ Văn P tặng cho lại ông Hồ Hữu N và bà Lâm Thị L. Ngày 20/12/2022 bà L khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu chia thửa đất 2026 cho bà được hưởng phân nửa, thửa đất 2127 bà yêu cầu chia cho bà được hưởng ½ giá trị đất. Tại phiên tòa sơ thẩm bà L thay đổi chỉ yêu cầu chia thửa đất 2026 cho bà được hưởng phân nửa diện tích đất, còn thửa đất 2127 bà L không yêu cầu chia mà đồng ý giao cho ông N được trọn hưởng. Tòa án cấp sơ thẩm xử chia cho bà L được hưởng phân nửa giá trị thửa đất 2026 và giá trị nhà. Thửa đất số 2127 giao cho ông N được hưởng. Theo quy định tại Điều 5, Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu. Thửa đất số 2127 bà L không yêu cầu chia mà yêu cầu giao cho ông N được hưởng nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà không chia thửa đất này cho bà L được hưởng, nay bà L kháng cáo yêu cầu chia cho bà hưởng phân nửa giá trị thửa đất 2127 là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của bà Lâm Thị L yêu cầu chia cho bà được hưởng phân nửa thửa đất 2026 diện tích bằng 287,3 m². Thửa đất 2026 là đất loại đất trồng cây lâu năm. Theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh T quy định tách thửa đất đối với đất nông nghiệp diện tích tối thiểu là 500m². Điều 4 Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh T thực hiện Luật đất đai năm 2024 cũng quy định diện tích tối thiểu tách thửa đất nông nghiệp cũng bằng 500m². Thửa đất số 2026, diện tích 574,6m² Ủy ban nhân dân huyện C cấp quyền sử dụng đất là loại đất nông nghiệp không phải đất ở hoặc đất phi nông nghiệp nên việc bà L xin chia tài sản và hưởng bằng hiện vật là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của ông Hồ Hữu N yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại. Ông N không đưa ra được chứng cứ chứng minh bản án sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng trong thu thập chứng cứ hoặc thành phần Hội đồng xét xử không đúng quy định hoặc vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do đó không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N.

[5] Ý kiến của kiểm sát viên là phù hợp với các tình tiết của vụ án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, Hội đồng xét xử có cân nhắc xem xét nhưng không có cơ sở để chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

[6] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bà Lâm Thị L và ông Hồ Hữu N không được chấp nhận nên bà L và ông N phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 46, 59 Luật hôn nhân gia đình và Điều 98 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lâm Thị L và ông Hồ Hữu N.

- Giữ nguyên Bản án hôn nhân sơ thẩm số 75/2024/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên xử:

1. Giao cho ông Hồ Hữu N được quyền sử dụng thửa đất số 2026, diện tích 574,6m² và thửa đất số 2127, diện tích 1.173,7m² cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất, hai thửa đất cùng tờ bản đồ số 30, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp R (trước đây là ấp R), xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Buộc ông Hồ Hữu N có nghĩa vụ thanh toán giá trị đất và tài sản trên thửa đất số 2026 cho bà Lâm Thị L bằng 1.186.640.400 đồng (*Một tỷ, một trăm tám mươi sáu triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn, bốn trăm đồng*).

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Hồ Hữu N, bà Lâm Thị L2 mỗi người phải chịu 300.000đ. Do ông N, bà L mỗi người đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004510 ngày 07/10/2024 và biên lai thu số 0004725 ngày 24/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long nên cần trừ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND Huyện Càng Long;
- Chi cục THADS Huyện Càng Long;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Trung